



TH[®]
School

11-12

Grades 11 & 12

CURRICULUM GUIDE

Tổng quan về Chương trình học
LỚP 11 VÀ LỚP 12



Empowering the next generation of leaders

Trao quyền lãnh đạo cho thế hệ trẻ tương lai

TH School is an independent, non-denominational, co-educational day and boarding school that offers an internationally focused college preparatory education to host national and international students from 2 – 18 years of age. TH School has been authorized by the Vietnamese Ministry of Education and Training to implement a student-centered inquiry-based curriculum which blends a holistic English language-based international educational experience with essential elements of Vietnamese language, literature, history and civics.

Our Mission

We seek to empower Vietnam's future leaders to think critically, display empathy, and act with integrity.

Our Vision

To create a network of schools throughout Vietnam that provides students a holistic world-class bilingual education, state-of-the-art resources, purpose-built modern facilities and nutritious meals in an internationally minded atmosphere of high expectations, support and kindness.

TH School được xây dựng theo một mô hình giáo dục hoàn toàn khác biệt sử dụng các chương trình đào tạo Quốc tế đã được áp dụng thành công trên toàn thế giới và kết hợp chương trình Việt Nam học (Tiếng Việt, Ngữ văn, Lịch sử và GDCD) được thu gọn một cách khoa học nhất. Vận hành theo hai mô hình bán trú và nội trú, trường chào đón các em học sinh Việt Nam và Quốc tế từ hai tuổi cho tới hết Trung học Phổ thông. Được Bộ Giáo Dục cấp phép, TH School tiên phong trong việc đưa vào chương trình học một giáo trình với nhiều cải tiến, lấy người học làm trọng tâm và khuyến khích sự tò mò của người học cũng như tạo một nền tảng ngôn ngữ toàn diện.

Sứ mệnh

Chúng tôi giúp những nhà lãnh đạo tương lai của Việt Nam xây dựng tư duy phản biện, biết đồng cảm và hành động chính trực.

Tầm nhìn

Chúng tôi sẽ tạo nên một hệ thống trường học tại Việt Nam đem lại cho học sinh một nền giáo dục đẳng cấp thế giới với cơ sở vật chất hiện đại, công nghệ tiên tiến và những bữa ăn dinh dưỡng trong một môi trường Quốc tế nơi mà mọi người nâng đỡ và giúp đỡ nhau phát triển.

Table of Contents | Mục lục

| | |
|--|----|
| INTRODUCTION GIỚI THIỆU | 2 |
| Summary of Subjects on Offer Tổng quan về các môn học tại trường | 2 |
| Extracurricular Activities Các hoạt động ngoại khóa | 2 |
| Student Support Công tác hỗ trợ học sinh | 3 |
| Preparing Students for University Các bước chuẩn bị cho học sinh trước ngưỡng cửa trường Đại học | 3 |
| Student Expectations Kỳ vọng đối với học sinh | 3 |
| ASSESSMENT BÀI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ | 4 |
| Academic Integrity Trung thực trong học tập | 4 |
| SUBJECT OVERVIEWS KHÁI QUÁT VỀ CÁC MÔN HỌC | 5 |
| A LEVEL SUBJECTS CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH A LEVEL | 5 |
| Mathematics Toán học | 5 |
| Science Khoa học | 7 |
| Business Môn kinh doanh | 10 |
| Travel and Tourism Môn Du lịch & Dịch vụ du lịch | 12 |
| History Môn Lịch sử | 13 |
| Global Perspectives Môn Viễn cảnh toàn cầu | 14 |
| English Môn Tiếng Anh | 16 |
| Physical Education Giáo dục thể chất | 16 |
| PSHE Curriculum Chương trình giáo dục sức khỏe, xã hội, cá nhân | 17 |
| VIETNAMESE STUDIES CÁC MÔN VIỆT NAM HỌC | 18 |
| - Vietnamese Literature Môn văn học Việt Nam | 18 |
| - Vietnamese History Môn Lịch sử Việt nam | 19 |
| - Civics Education Giáo dục công dân | 20 |
| - Geography Môn Địa lý | 20 |

Introduction

Giới thiệu

The TH High School curriculum has been developed to align with Madame Thai Huong's vision statement and is tailored specifically to meet the needs of our students. Vietnamese literature and history are taught alongside International A levels and enrichment subjects. Students are encouraged to enquire and think critically in their subjects and develop their independent study skills.

Chương trình học tại trường PTTH TH được xây dựng từ kỳ vọng của Bà Thái Hương và nhằm đáp ứng một cách hoàn hảo nhu cầu của các học sinh. Môn Văn học Việt nam và môn Lịch sử được giảng dạy song song với các môn học quốc tế cấp độ A và các môn kỹ năng khác. Các em học sinh được khuyến khích tư duy phản biện trong giờ học và phát triển kỹ năng tự học.

SUMMARY OF SUBJECTS ON OFFER | TỔNG QUAN VỀ CÁC MÔN HỌC TẠI TRƯỜNG

- **A Levels:** Maths, Physics, Chemistry, Biology, Business Studies, Travel and Tourism, Global Perspectives, History, Geography
- **English** through AS English General paper
- **Vietnamese studies:** Literature, History, Civics
- **PE**
- **PSHE program**
- **Các môn A – Level:** (Các môn học trong Chương trình Giáo dục Phổ thông bậc cao (gọi tắt là chương trình A - Level): Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Nghiên cứu Thương mại, Du lịch và Dịch vụ Du Lịch, Quan điểm toàn cầu, Lịch sử và Địa lý
- **Môn tiếng Anh:** giáo trình Tiếng anh Tổng quát của Chương trình giáo dục phổ thông bậc bổ sung (gọi tắt là AS level)
- **Các môn học bằng tiếng Việt:** Văn học, Lịch sử, Giáo dục công dân
- **Môn giáo dục thể chất**
- **Chương trình giáo dục sức khỏe, xã hội, cá nhân**

EXTRACURRICULAR ACTIVITIES | CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA

Students are encouraged to create and join clubs. Clubs currently available (and this list is growing all the time): Maths, Basketball, Football, Science, TH Studio, Enterprise, and more. Competitions - students have entered various competitions during the last 12 months and the opportunities are growing.

Học viên được khuyến khích tính sáng tạo và tham gia vào các câu lạc bộ. Các câu lạc bộ hiện đang hoạt động (danh sách này còn được tiếp tục bổ sung trong thời gian tới): Câu lạc bộ Toán học, Bóng rổ, Bóng đá, Khoa học, Xưởng nghệ thuật TH, Doanh nhân trẻ. Các cuộc thi: học sinh đang và sẽ có cơ hội thử sức qua các cuộc thi khác nhau trong suốt 12 tháng học tập.

STUDENT SUPPORT | CÔNG TÁC HỖ TRỢ HỌC SINH

To ensure students are achieving their full potential, subject teachers are available during the day for one-to-one tutor sessions. In addition to academic support, we encourage students to speak to their Homeroom teachers about any concerns they may have.

Nhằm tạo điều kiện cho học sinh phát huy tối đa năng lực bản thân, các giáo viên bộ môn luôn sẵn sàng hướng dẫn các em thông qua các buổi học một thầy – một trò. Ngoài ra, chúng tôi cũng khuyến khích học viên bày tỏ mong muốn cũng như mối băn khoăn của các em với giáo viên chủ nhiệm.

PREPARING STUDENTS FOR UNIVERSITY |

CÁC BƯỚC CHUẨN BỊ CHO HỌC SINH TRƯỚC NGƯỠNG CỬA TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Grade 11 and 12 are important years as students not only have to achieve the best possible A level results but also have to apply to university. Students have the opportunity to research potential countries, universities and courses to study at undergraduate level. This is part of the Counselling Programme which also includes understanding the various application processes required for different countries, investigating funding options and how to write a personal statement. In addition, TH School has visiting universities who not only talk about their admissions requirements but also give students application advice. Students can attend University Fairs, giving them the opportunity to speak to representatives of universities from all over the world!

Năm học lớp 11 và 12 là những năm quan trọng vì các em học sinh không chỉ cần đạt được kết quả A level tốt nhất có thể mà còn phải nộp đơn vào đại học. Các em học sinh có cơ hội tìm hiểu về các quốc gia, các trường đại học và các khóa học tiềm năng. Nội dung cố vấn cho các em học sinh bao gồm việc tìm hiểu các quy trình nộp hồ sơ ở các quốc gia khác nhau, nghiên cứu các phương án học bổng và cách viết một bài giới thiệu về bản thân. Ngoài ra, trường TH đã đến thăm các trường đại học - để không chỉ cung cấp các thông tin về yêu cầu tuyển sinh mà còn tư vấn cho các em học thủ tục nộp đơn. Các em có thể tham gia các Hội thảo du học, để có cơ hội trao đổi với đại diện của các trường đại học trên khắp thế giới.

STUDENT EXPECTATIONS | KỲ VỌNG ĐỐI VỚI HỌC SINH

At TH school we believe that students are the drivers of their learning. Teachers support and facilitate learning experiences but each student has the responsibility for ensuring that they are fully engaged.

To this end we expect our students to:

- relate well with their peers and staff
- have a sense of social responsibility
- be thoughtful, caring and supportive
- be respectful
- be cooperative
- work collaboratively
- be resilient
- be active enquirers

Tại trường TH School, chúng tôi tin rằng học sinh chính là những người chèo lái việc học của bản thân các em. Giáo viên sẽ hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, còn nhiệm vụ của các em là tham gia các lớp học đầy đủ. Để làm được điều này, chúng tôi mong các em sẽ:

- hòa hợp với các bạn cùng lớp và các thầy cô giáo
- có ý thức trách nhiệm xã hội
- ân cần, quan tâm, hỗ trợ lẫn nhau
- biết tôn trọng
- biết hợp tác
- biết phối hợp
- không nản lòng
- chủ động đưa ra các câu hỏi

- be self directed in their learning
- manage time commitments
- be punctual
- complete set tasks

- biết tự định hướng việc học của bản thân
- biết quản lý thời gian
- đúng giờ
- hoàn thành các nhiệm vụ được giao

Assessment

Bài kiểm tra đánh giá

The purpose of assessment during A level studies at TH School is as a tool for providing targeted feedback about the topics covered during the course to enable students to focus on areas of development. The external A level examinations take place during May and June. In addition to these, students have mock examinations in March and internal examinations in November.

Mục đích của bài kiểm tra đánh giá trong suốt quá trình học chương trình A Level ở trường TH là công cụ để xem xét kết quả học tập của học sinh về những chủ đề học tập trong suốt khóa học và giúp các em tập trung vào các điểm cần cố gắng hơn nữa. Những kỳ thi quốc tế A Level sẽ diễn ra trong tháng 5 và tháng 6. Bên cạnh đó, các em học sinh sẽ tham gia kỳ thi nội bộ do Trường tổ chức vào tháng 3 và tháng 11.

ACADEMIC INTEGRITY | TRUNG THỰC TRONG HỌC TẬP

At TH School we take seriously the issue of academic integrity. Academic Integrity Policy, which is available in school, sets out the rights and responsibilities of the student, school and teachers. Additionally, it outlines the Cambridge examination board regulation.

Each student will sign an Academic Integrity Agreement, which will be countersigned by parents and kept on file.

Tại trường TH, chúng tôi rất coi trọng sự trung thực học tập. Nhà trường áp dụng quy định về sự trung thực trong học tập, đưa ra những quyền lợi và trách nhiệm của nhà trường, giáo viên và học sinh. Ngoài ra, chính sách này còn phù hợp với các quy định khảo thí của Hội đồng khảo thí Cambridge.

Mỗi học sinh sẽ ký một Bản cam kết về việc trung thực trong học tập có chữ ký của bố mẹ. Những bản cam kết này sẽ được lưu trong hồ sơ học sinh.

Subject Overviews

Tổng quan các môn học

A Level Subjects

Các môn học trong chương trình A Level

Mathematics

Toán học

Cambridge International AS & A Level Mathematics develops a set of transferable skills. These include the skill of working with mathematical information, as well as the ability to think logically and independently, consider accuracy, model situations mathematically, analyse results and reflect on findings.

The key concepts for Cambridge International AS & A Level Mathematics are:

PROBLEM SOLVING | GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Mathematics is fundamentally problem solving and representing systems and models in different ways. These include:

- Algebra: this is an essential tool which supports and expresses mathematical reasoning and provides a means to generalise across a number of contexts.
- Geometrical techniques: algebraic representations also describe a spatial relationship, which gives us a new way to understand a situation.
- Calculus: this is a fundamental element which describes change in dynamic situations and underlines the links between functions and graphs.

Môn Toán trong chương trình AS/A Level xây dựng một tập hợp các kỹ năng có thể chuyển đổi, bao gồm kỹ năng làm việc với thông tin toán học cũng như tư duy logic và độc lập, khả năng tính toán chính xác, xây dựng mô hình toán học theo tình huống, phân tích kết quả và đánh giá kết quả.

Môn Toán cấp độ A và AS của trường Cambridge gồm các khái niệm chủ yếu sau:

Môn Toán học là môn học về cách giải quyết vấn đề một cách cơ bản và là tập hợp những hệ thống, mô hình khác nhau, bao gồm:

- Đại số học: Đây là một công cụ quan trọng hỗ trợ và hướng dẫn giải đáp những khúc mắc về toán học và là cách thức để khái quát hóa vấn đề dưới các tình huống khác nhau.
- Thuật hình học: sự biểu diễn đại số cũng mô tả mối quan hệ về không gian, giúp học sinh phân tích tình huống dưới góc nhìn mới.
- Các phép tính: đây là nhân tố cơ bản mô tả sự thay đổi trong các động thái khác nhau và nhấn mạnh mối quan hệ giữa công thức và biểu đồ.

- Mechanical models: these explain and predict how particles and objects move or remain stable under the influence of forces.
- Statistical methods: these are used to quantify and model aspects of the world around us. Probability theory predicts how chance events might proceed, and whether assumptions about chance are justified by evidence.
- Mô hình cơ học: giải thích và dự đoán cách các hạt và các vật thể chuyển động hoặc đứng yên dưới tác động của lực.
- Phương pháp thống kê: được sử dụng để định lượng và làm mô hình cho những lĩnh vực về thế giới xung quanh. Lý thuyết xác suất dự đoán cách các sự kiện có thể thay đổi và giải thích sự thay đổi đó qua các ví dụ cụ thể.

COMMUNICATION | SỰ TRUYỀN DỮ LIỆU

Mathematical proof and reasoning is expressed using algebra and notation so that others can follow each line of reasoning and confirm its completeness and accuracy. Mathematical notation is universal. Each solution is structured, but proof and problem solving also invite creative and original thinking.

Các phép chứng minh và lập luận toán học được thể hiện thông qua môn đại số và ký hiệu để các môn học khác có thể áp dụng những lập luận đó và khẳng định tính chính xác cũng như hoàn thiện của nó. Các ký hiệu toán học rất phổ biến. Với mỗi giải pháp được đưa ra, học sinh được khuyến khích cách suy nghĩ độc đáo và sáng tạo thông qua các phép chứng minh và giải quyết vấn đề.

MATHEMATICAL MODELLING | MÔ HÌNH TOÁN HỌC

Mathematical modelling can be applied to many different situations and problems, leading to predictions and solutions. A variety of mathematical content areas and techniques may be required to create the model. Once the model has been created and applied, the results can be interpreted to give predictions and information about the real world.

Mô hình toán học có thể được áp dụng vào các tình huống khác nhau, nhằm đưa ra những dự đoán và giải pháp. Để tạo ra mô hình toán học, vô số tình huống và thuật toán khác nhau được áp dụng. Một khi mô hình toán học được tạo ra và ứng dụng, kết quả của quá trình này có thể dùng để dự đoán và thu thập thông tin về thế giới.

Science

Khoa học

Advanced Subsidiary (AS) and Advanced (A) Level Biology, Chemistry and Physics students are studying the Cambridge International Examination (CIE) syllabus which aims to provide students with a curriculum that develops breadth and depth of knowledge and understanding in specific scientific disciplines. Students will become global citizens as they develop an appreciation for the positive and negative impacts that Science has on society, economics, technology, ethics, industry, philosophy and the environment. Success in A Level Science courses requires that students can work both collaboratively and independently, use scientific vocabulary and conventions, and be able to communicate and solve problems effectively.

The syllabus includes relevant practical work that aims to provide a link between theoretical knowledge and practical applications, which in turn improves student's planning, inquiry and communication skills. They will be expected to use their skills to carry out relevant investigations safely using appropriate laboratory equipment. Students will record results and observations, interpret data using various statistical and graphing techniques, draw conclusions which they will substantiate using research and prior knowledge and evaluate uses and limitations of the scientific method in answering a research question.

Hai cấp độ AS Level và A Level của các môn học: Sinh học, Hóa học và Vật lý mà các em học sinh đang được giảng dạy tổng hợp theo giáo trình của Hội đồng Khảo thí quốc tế Cambridge” (CIE). Thông qua chương trình này các em có thể phát triển nhiều kĩ năng và kiến thức sâu rộng trong các môn khoa học. Tương lai các em sẽ trở thành công dân toàn cầu khi các em góp phần xây dựng các kiến thức khoa học trong các lĩnh vực: Xã hội, Kinh tế, Công nghệ, Công nghiệp, Triết học và Môi trường. Để có thể đạt được cấp độ A Level, đòi hỏi các em cần phải hoàn thiện kĩ năng làm việc nhóm cũng như làm việc độc lập, kĩ năng giao tiếp và giải quyết vấn đề.

Giáo trình bao gồm các tiết học thí nghiệm thực hành nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức đã học vào các ứng dụng trong thực tiễn đời sống, từ đó cải thiện kỹ năng lập kế hoạch, tranh luận và giao tiếp của học sinh. Đó sẽ là cơ hội cho các em học sinh sử dụng các kỹ năng của mình để thực hiện các điều tra nghiên cứu. Học sinh sẽ được cung cấp đầy đủ các thiết bị phòng thí nghiệm thích hợp dưới sự giám sát chặt chẽ của giáo viên để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh trong quá trình nghiên cứu. Học sinh sẽ ghi lại kết quả và những hiện tượng đã quan sát được, giải thích dữ liệu, sử dụng các kỹ thuật thống kê và đồ thị thích hợp, từ đó rút ra kết luận mà học sinh sẽ chứng minh bằng cách sử dụng nghiên cứu, kiến thức đã học và chỉ ra hiệu quả cũng như mặt hạn chế của phương pháp khoa học đó.

ASSESSMENT | ĐÁNH GIÁ

| COMPONENT THÀNH PHẦN | WEIGHTING TRỌNG SỐ | |
|---|----------------------|---------|
| | AS LEVEL | A LEVEL |
| Paper 1 Bài thi số 1 40 Multiple Choice questions based on the AS level syllabus 40 câu hỏi lựa chọn dựa vào giáo trình trình độ AS | 31% | 15.5% |

| | | |
|---|----------|-------|
| <p>Paper 2 Bài thi số 2</p> <p>Structured question paper based on the AS level syllabus. The number of questions and mark value for each question are variable. Cấu trúc câu hỏi dựa vào giáo trình trình độ AS. Số lượng câu và giá trị điểm số có thể thay đổi.</p> | 46% | 23% |
| <p>Paper 3 Bài thi số 3</p> <p>Practical question paper with 2-3 questions based on content covered in the AS level syllabus. The practical itself may be new to students, however they will have the skills to carry it out. Luyện tập các phiếu câu hỏi với 2 đến 3 câu hỏi dựa trên các nội dung bao quát giáo trình trình độ AS. Các bài thực hành có thể còn mới lạ với học sinh, tuy nhiên các em sẽ học những kỹ năng để làm những bài thực hành đó.</p> | 23% | 11.5% |
| <p>Paper 4 Bài thi số 4</p> <p>Structured question paper based on the A level syllabus with prior knowledge of the AS level syllabus expected. The number of questions and mark value for each question are variable except section B (Biology only) which is a 15-mark free response. Cấu trúc phiếu câu hỏi dựa trên giáo trình trình độ A với kiến thức cũ của giáo trình trình độ AS mong đợi. Số lượng câu hỏi và điểm mỗi câu có thể thay đổi trừ phần B (chỉ môn Sinh học) là câu trả lời miễn phí 15 điểm.</p> | – N/A | 38.5% |
| <p>Paper 5 Bài thi số 5</p> <p>Structure question paper based on practical skills of planning, analysis of data, and evaluation. There are usually 2-3 questions with variable mark value varies which are based on the AS/A level syllabus. Cấu trúc câu hỏi dựa trên việc rèn luyện các kỹ năng lập kế hoạch, phân tích dữ liệu và đánh giá. Thường có 2 - 3 câu hỏi có thay đổi điểm số dựa trên giáo trình trình độ AS/A Level.</p> | – N/A | 11.5% |

TOPICS | CÁC CHỦ ĐỀ

| SUBJECT MÔN HỌC | AS LEVEL GRADE 11 DÀNH CHO KHỐI 11 | A LEVEL GRADE 12 DÀNH CHO KHỐI 12 |
|---------------------|---|--|
| Biology Sinh học | <ul style="list-style-type: none"> Cell structure Cấu tạo tế bào Biological molecules Phân tử sinh học Enzymes Enzym Cell membranes and transport Màng tế bào và sự vận chuyển The mitotic cell cycle Chu kỳ tế bào gián phân Nucleic acids and protein synthesis Acid phân tử và sự tổng hợp protein | <ul style="list-style-type: none"> Energy and respiration Năng lượng và sự hô hấp Photosynthesis Sự quang hợp Homeostasis Cân bằng nội mô Control and coordination Điều khiển và hợp tác Inherited change Sự thay đổi có tính di truyền |

- Transport in plants | Sự di chuyển của thực vật
- Transport in mammals | Sự di chuyển của động vật
- Gas exchange and smoking | Trao đổi khí và khói
- Infectious disease | Bệnh truyền nhiễm
- Immunity | Hệ miễn dịch
- Selection and evolution | Chọn lọc và tiến hóa
- Biodiversity, classification and conservation | Đa dạng sinh học, phân loại và bảo tồn
- Genetic technology | Công nghệ gen

Chemistry Hóa học

- Moles and equations | Mol và cân bằng
- Atomic structure | Cấu tạo nguyên tử
- Electrons in atoms | Electron trong nguyên tử
- Chemical bonding | Liên kết hoá học
- States of matter | Trạng thái của vật chất
- Enthalpy changes | Sự biến thiên năng lượng entanpi
- Redox reactions | Phản ứng oxi hoá khử
- Equilibrium | Trạng thái cân bằng
- Rates of reaction | Tốc độ phản ứng
- Periodicity | Sự tuần hoàn
- Group 2 | Nhóm 2
- Group 17 | Nhóm 17
- Nitrogen and sulphur | Nito và lưu huỳnh
- Introduction to organic chemistry | Giới thiệu về hoá học hữu cơ
- Hydrocarbons | Hidrocacbon
- Halogenoalkanes | Dẫn xuất Halogen
- Alcohols, esters, and carboxylic acids | Rượu, este và axit cacboxylic
- Carbonyl compounds | Hợp chất cacbonyl
- Lattice energy | Năng lượng mạng tinh thể
- Electrochemistry | Điện hoá học
- Further aspects of equilibria | Các khía cạnh của cân bằng
- Reaction kinetics | Động học phản ứng
- Entropy and Gibbs free energy | Năng lượng tự do entropi và Gib
- Transition elements | Các nguyên tố chuyển tiếp
- Benzene and its compounds | Benzen và các hợp chất của nó
- Carboxylic acids and their derivatives | Axit và các dẫn xuất của nó
- Organic nitrogen compounds | Hợp chất hữu cơ chứa nito
- Polymerisation | Polime
- Analytical chemistry | Hoá phân tích
- Organic synthesis | Tổng hợp chất hữu cơ

Physics Vật lý

- Physical quantities and units | Định lượng và các đơn vị vật lý
- Measurement techniques | Phương pháp đo lường
- Kinematics | Động học
- Dynamics | Động lực học
- Forces, density and pressure | Lực, tỷ trọng và áp suất
- Work, energy and power | Công, năng lượng và công suất
- Deformation of solids | Sự biến dạng của vật rắn
- Waves | Sóng
- Motion in a circle | Chuyển động tròn
- Gravitational fields | Trường trọng lực
- Ideal gases | Khí lí tưởng
- Temperature | Nhiệt độ
- Thermal properties of materials | Thuộc tính nhiệt của vật rắn
- Oscillations | Dao động
- Ultrasound | Siêu âm
- Communication | Phương thức liên lạc
- Electric fields | Điện trường
- Capacitance | Điện dung
- Electric sensors | Các loại cảm biến sử dụng điện

- Superposition | Sự giao thoa
- Electric fields | Điện trường
- Currents of electricity | Dòng điện
- D.C. circuits | Mạch điện một chiều
- Particle physics | Vật lý hạt nhân
- Electronics | Các thiết bị điện tử
- Magnetic fields | Từ trường
- Electromagnetic induction | Cảm ứng điện từ
- Alternating currents | Dòng điện xoay chiều
- Quantum physics | Vật lý lượng tử
- Nuclear physics | Vật lý nguyên tử

Business

Môn kinh doanh

The AS/A2 9609 Cambridge Business course aims to develop students understanding of how businesses function in a local, national and international context. The main topics of study in the course include: The Business Environment, People in Organisations, Marketing, Operations and Project Management, Finance and Accounting and Strategic Management. The course is designed to develop students problem-solving abilities alongside business theory. Not only will the course develop student's business knowledge, but it will also develop their application, analysis and evaluation skills.

Formative Assessment will take a variety of forms both within and outside the classroom. It will be important for students to see first-hand examples of businesses. For this reason, there may be some local and regional experiences planned.

Summative Assessment

Chương trình học môn Kinh doanh cấp độ A/ AS là để nâng cao hiểu biết của học sinh về cách mà các ngành kinh doanh hoạt động trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế. Chủ đề chính của khóa học bao gồm: Môi trường Kinh doanh, Con người trong các tổ chức, Tiếp thị, Vận hành và Quản lý dự án, Tài chính, Kế Toán và Quản lý chiến lược. Khóa học được xây dựng để nâng cao kỹ năng giải quyết vấn đề của học sinh song song với việc học lý thuyết kinh doanh. Khóa học không chỉ tăng cường hiểu biết của học sinh về kinh doanh mà còn phát triển kỹ năng ứng dụng, phân tích và đánh giá của các em.

Dạng bài kiểm tra đánh giá: Sẽ có nhiều dạng bài đánh giá trong và ngoài lớp học. Điều quan trọng là học sinh cần được chứng kiến những ví dụ thực tế về Kinh doanh. Từ đó, các em có thể lập kế hoạch cho những trải nghiệm ở cấp quốc gia và khu vực.

Bài kiểm tra tóm tắt

| COMPONENT THÀNH PHẦN | WEIGHTING AS LEVEL | TỈ LỆ A2 LEVEL |
|--|-----------------------|-------------------|
| Paper 1: Short answer and essay 1 hour 15 minutes Tờ 1: Trả lời câu hỏi và bài luận 1h15 phút | | |
| Section A: Four short answer questions (20 marks) Phần A: 4 câu hỏi để trả lời (20 điểm) | 20% | 10% |

Section B: One essay from a choice of three questions (20 marks) | 20% 10%
 Phần B: Một bài luận từ việc lựa chọn một trong 3 câu hỏi (20 điểm)

Based on the AS Level syllabus content (40 marks) |
 Dựa vào nội dung chương trình AS level (40 điểm)

Paper 2: Data response 1 hour 30 minutes | 60% 30%
Tờ 2: Trả lời câu hỏi dựa trên dữ liệu 1 giờ 30 phút

Two data response questions based on AS Level syllabus content (60 marks) | Hai câu hỏi dựa trên nội dung chương trình AS level (60 điểm)

Paper 3: Case study 3 hours | – 50%
Tờ 3: Bài tập tình huống 3 giờ

Five questions and one essay (from a choice of two) based on a case study. Based on the additional A Level syllabus content and also assumes knowledge and understanding of the AS Level syllabus content (100 marks) |

5 câu hỏi và 1 bài luận (từ một trong hai câu hỏi) dựa trên một tình huống. Dựa trên nội dung chương trình A level bổ sung và cũng tiếp tục kiến thức và hiểu biết của nội dung chương trình AS level (100 điểm)

Topics

Chủ đề

Description of the course, assessment and topics for AS/A2:

Mô tả về khóa học, đánh giá và chủ đề cho AS / A2:

| AS | A2 |
|--|---|
| Business Enterprise Doanh nghiệp | Business Structure Cơ cấu doanh nghiệp |
| Business Structure Cơ cấu doanh nghiệp | Size of Business Quy mô kinh doanh |
| Size of Business Quy mô kinh doanh | External Influences Tác động bên ngoài |
| Business Objectives Mục tiêu kinh doanh | External Economic Influences Tác động kinh tế bên ngoài |
| Stakeholders Cổ đông | Further Human Resource Management Quản lý nguồn nhân lực cao cấp |
| Management & Leadership Quản lý và lãnh đạo | Organisational Structure Cơ cấu tổ chức |
| Motivation Động lực | Business Communication Truyền thông kinh doanh |

| | |
|---|--|
| Human Resource Management Quản lý nguồn nhân lực | Marketing Planning Kế hoạch marketing |
| What is Marketing? Marketing là gì? | Globalisation & International Marketing Toàn cầu hóa và Marketing quốc tế |
| Market Research Nghiên cứu thị trường | Capacity Utilisation Mức sử dụng năng lực sản xuất |
| The Marketing Mix: Product and Price Marketing hỗn hợp: Giá và sản phẩm | Lean Production Sản xuất tinh gọn |
| The Marketing Mix: Promotion and Place Marketing hỗn hợp: Xúc tiến thương mại và Phân phối | Project Management Quản lý dự án |
| The Nature of Operations Tính chất doanh nghiệp | Costs Chi phí |
| Operations Planning Lập kế hoạch hoạt động | Budgets Ngân sách |
| Inventory Management Quản lý tồn kho | Contents of Published Accounts Nội dung của tài khoản công bố |
| Business Finance Tài chính doanh nghiệp | Analysis of Public Accounts Phân tích tài khoản công bố |
| Costs Chi phí | Investment Appraisal Thẩm định đầu tư |
| Accounting Fundamentals Cơ sở kế toán | Strategic Management Quản lý chiến lược |
| Forecasting & Managing Cash Flows Dự báo và quản lý dòng tiền | Strategic Analysis, Choice and Implementation Phân tích, lựa chọn và thực hiện mang tính chiến lược |

Travel and Tourism

Môn Du lịch & Dịch vụ du lịch

Through the study of Cambridge A Level Travel and Tourism students will:

- appreciate the scale and importance of the travel and tourism industry
- learn that the travel and tourism industry is dynamic in nature and how the industry responds to change,
- recognise the positive and negative impacts the industry may have on people, environments and economies.

Môn học Du lịch và Dịch vụ Du Lịch A Level, học sinh sẽ thực hiện:

- Đánh giá chính xác phạm vi và tầm quan trọng của ngành Du lịch & Dịch vụ du lịch.
- Hiểu bản chất linh hoạt của du lịch & dịch vụ du lịch và cách ngành công nghiệp này thích ứng với sự thay đổi.
- Nhận biết được những ảnh hưởng tiêu cực và tích cực của ngành này đối với con người, môi trường và nền kinh tế.

Students will learn about:

- Features of the travel and tourism industry
- Principles of Customer service in travel and tourism
- Planning and managing a travel and tourism event
- Marketing and branding in travel and tourism
- Destination management

Prior learning

Students beginning this course are not expected to have studied travel and tourism previously.

Assessment

Formative assessment - will take a variety of forms both within and outside the classroom. It will be important for students to see first-hand examples of travel and tourism. For this reason, there may be some local and regional experiences planned.

Summative assessment:

- Paper 1: The Industry 33% weighting, externally assessed
- Paper 2: Planning and managing a travel and tourism event 17%, internally assessed, externally moderated
- Paper 3: Destination Marketing 25%, externally assessed
- Paper 4: Destination Management 25%, externally assessed

Học sinh sẽ nghiên cứu về:

- Đặc điểm của ngành Du lịch & Dịch vụ du lịch.
- Nguyên tắc của Dịch vụ khách hàng trong ngành
- Lập kế hoạch, quản lý sự kiện du lịch và dịch vụ du lịch.
- Tiếp thị và quảng bá và Du lịch & Dịch vụ du lịch.
- Quản lý địa điểm du lịch

Nền tảng học tập có sẵn

Học sinh không nhất thiết phải đã từng nghiên cứu về du lịch và dịch vụ du lịch.

Bài kiểm tra đánh giá

Có nhiều dạng bài kiểm tra đánh giá cả trong và ngoài lớp học. Điều quan trọng là học sinh cần được chứng kiến những ví dụ thực tế về Du lịch & Dịch vụ du lịch. Từ đó, các em có thể lập kế hoạch cho những trải nghiệm ở cấp quốc gia và khu vực.

Bài kiểm tra tóm tắt:

- Bài 1: Ngành công nghiệp du lịch & Dịch vụ du lịch (chiếm 33% số tiết học - đánh giá bên ngoài)
- Bài 2: Lập kế hoạch và quản lý du lịch và sự kiện dịch vụ du lịch (chiếm 17% tiết học, đánh giá nội bộ và một phần đánh giá bên ngoài)
- Bài 3: Quảng bá các điểm du lịch (chiếm 25% số tiết học – đánh giá bên ngoài)
- Bài 4: Quản lý địa điểm du lịch (chiếm 25% số tiết – đánh giá bên ngoài)

History | Lịch sử

History is about humans. It is our species' autobiography. We study history to understand the past, shed light upon the present and perhaps even project ahead. History teaches us about diversity, change, continuity, cause and consequence and we learn to critically absorb great amounts of information. Cambridge A Level History combines an international programme with more specialized studies, whilst equipping the students with essential skills, transferable to any walk of life, like analysis, evaluation, critical thinking, problem-solving and communication.

Lịch sử là về loài người. Đó là cuốn tự truyện về loài người. Nghiên cứu lịch sử nhằm mục đích hiểu về quá khứ, hiểu rõ hiện tại và thậm chí có thể dự đoán tương lai. Lịch sử dạy chúng ta về sự đa dạng, sự thay đổi, tính liên tục, nguyên nhân và hậu quả và chúng ta học cách tiếp nhận một lượng lớn thông tin. Môn Lịch sử Cấp độ A của Cambridge kết hợp của chương trình quốc tế với các nghiên cứu chuyên sâu hơn, đồng thời trang bị cho học sinh những kỹ năng cần thiết, từ đó có thể phát triển các khả năng khác như phân tích, đánh giá, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và giao tiếp.

Universities appreciate students with History A Levels as it ensures they are well grounded in academic research and presentation. This course enables students to develop:

- an interest in the past and an appreciation of human endeavor
- a greater knowledge and understanding of historical periods or themes
- a greater awareness of historical concepts such as cause and consequence, change and continuity, similarity and difference, significance and interpretations
- an appreciation of the nature and diversity of historical sources available, and the methods used by historians
- an exploration of a variety of approaches to different aspects of history and different interpretations of particular historical issues
- the ability to think independently and make informed judgements on issues
- an empathy with people living in different places and at different times
- a firm foundation for further study of History

At TH School, students will follow the ‘international stream’. In their first year (AS) they are assessed through two exams:

- Component 1 - The Search for International Peace and Security, 1919-1945
- Component 2 - International Relations, 1871-1945

In their second year (A2), students are assessed through two additional exam papers:

- Component 3 - The Origins and Development of the Cold War, 1941-1950
- Component 4 - International History, 1945-1991

Học sinh đạt cấp độ A môn Lịch sử luôn được các trường đại học đánh giá cao do có nền tảng tốt về nghiên cứu học thuật và thuyết trình... Môn học giúp học sinh phát triển:

- Sự quan tâm đến quá khứ và đánh giá sự nỗ lực của loài người
- Sự hiểu biết sâu rộng về các thời kỳ hoặc các chủ đề lịch sử
- Sự hiểu biết hơn về các khái niệm lịch sử như nguyên nhân và hậu quả, sự thay đổi và tính liên tục, sự tương đồng và sự khác biệt, ý nghĩa và sự diễn giải
- Khả năng đánh giá bản chất và sự đa dạng của các nguồn thông tin lịch sử và các phương pháp mà các nhà sử học sử dụng
- Khả năng tiếp cận đa dạng đối với các quan điểm lịch sử khác nhau và đưa ra sự phân tích khác nhau về các vấn đề lịch sử đặc biệt
- Khả năng suy nghĩ độc lập và đánh giá về các vấn đề
- Đồng cảm với những người sống ở các khu vực và giai đoạn khác nhau
- Nền tảng vững chắc để nghiên cứu sâu hơn về lịch sử

Tại trường TH School, học sinh sẽ học theo “dòng chảy quốc tế.” Trong năm đầu tiên (AS) học sinh được đánh giá qua 2 kỳ thi:

- Học phần 1 – Nghiên cứu hòa bình và an ninh quốc tế, 1919-1945
- Học phần 2 – Các mối quan hệ quốc tế, 1871-1945

Trong năm học thứ 2 (A2), học sinh được đánh giá qua 2 kỳ thi bổ sung:

- Học phần 3 – Nguồn gốc và sự phát triển của Chiến tranh lạnh, 1941-1950
- Học phần 4 – Lịch sử quốc tế, 1945-1991

Global Perspectives | Môn Viễn cảnh toàn cầu

It is widely recognised that we live in an increasingly digitised and inter-connected world. The means by which we access information and the pace with which this takes place are profoundly changing the way we learn, communicate and work. Increasingly, young people are faced with access to a multiplicity of

Chúng ta đang sống trong một thế giới ngày càng số hóa và có tính liên kết. Phương tiện và tốc độ truy cập thông tin hiện nay đang thay đổi sâu sắc cách chúng ta học tập, giao tiếp và làm việc. Giới trẻ ngày càng được tiếp cận nhiều ý tưởng cạnh tranh. Trong một xã hội giàu thông tin như vậy, những người trẻ tuổi cần có các

competing ideas. In such an information-rich society, young people need the skills and dispositions to be able to think critically. In the broadest sense this means that they need to: deconstruct arguments, differentiate between the ways in which people express their perspectives, views and arguments, assess and evaluate claims and develop strong lines of reasoning. This will ensure that the learner has the twenty-first century skills to communicate and collaborate in today's society. Cambridge International AS Level Global Perspectives & Research aims to encourage young people to think about and explore issues of global significance. Through well-defined stages, called the Critical Path, learners will be encouraged to apply a logical approach to thinking and reasoning. By following this path, they will be able to analyse the structure and context of arguments, assess the impact and limitations of evidence and make well-reasoned judgements. Learners will build skills in organising and communicating their findings in appropriate multimedia formats.

At TH School students will complete three out of their four A-level components in grade 11 (AS). These are:

- Recorded presentation of a global topic to an audience within the school. This counts for 17.5% of the final grade.
- A written essay of 2000 words. This counts for 17.5% of the final grade.
- A written exam on the structure of arguments and perspectives. This counts for 15% of the final grade.

In grade 12 students will produce a 5,000-word essay on any scientific topic of their choosing. This counts for 50% of their final grade.

By developing thinking and reasoning skills, as well as research and communication skills, Cambridge International AS Level Global Perspectives & Research will enable learners to meet the demands of the twenty-first century and to make a successful transition to higher education, employment and lifelong learning.

kỹ năng và định hướng để có thể tư duy phân biện. Hiểu một cách rộng nhất, các em cần biết cách phân tích vấn đề, phân biệt các quan điểm, tầm nhìn và lập luận khác nhau, đánh giá các yêu cầu và phát triển mạnh mẽ các lập luận. Từ đó, học sinh sẽ có các kỹ năng của thế kỷ 20 để giao tiếp và hợp tác trong xã hội ngày nay. Mục đích của Môn Nghiên cứu Viễn cảnh toàn cầu (GPR) cấp độ A của Cambridge khuyến khích những người trẻ suy nghĩ và khám phá các vấn đề có ý nghĩa toàn cầu. Thông qua các giai đoạn được xác định rõ ràng, được gọi là Đường tới hạn, người học được khuyến khích tư duy và phân biện. Bằng cách này, họ sẽ có thể phân tích cấu trúc và bối cảnh của các lập luận, đánh giá ảnh hưởng và hạn chế của bằng chứng và đưa ra các phán đoán hợp lý. Người học sẽ xây dựng các kỹ năng tổ chức và giao tiếp thông qua các phương pháp đa phương tiện phù hợp.

Tại trường TH School, học sinh sẽ hoàn thành 3 trong 4 học phần A-level trong lớp 11 (chương trình AS), đó là:

- Làm bài thuyết trình về một chủ đề toàn cầu. Phần này chiếm 17,5% điểm cuối kỳ.
- Một bài luận viết 2000 từ, chiếm 17,5% của lớp cuối kỳ.
- Một bài kiểm tra viết về cấu trúc của các lập luận và quan điểm, chiếm 15% điểm cuối kỳ.

Ở lớp 12, học sinh sẽ viết một bài luận 5000 từ về bất kỳ chủ đề khoa học mà học sinh chọn, chiếm 50% điểm cuối cùng.

Bằng cách phát triển các kỹ năng tư duy và lý luận, cũng như các kỹ năng nghiên cứu và giao tiếp, Môn học GPR cấp độ A sẽ giúp người học đáp ứng nhu cầu của thế kỷ 21 và tiến lên bậc học cao hơn, làm việc và học tập suốt đời.

English

Môn Tiếng Anh

Students taking the CIE AS General English course will be developing their skills in the following areas: the selection and application of information, and the analysis and evaluation of information, perspectives and communication using written English. The course aims to develop the students' written English and their ability to communicate their ideas clearly, using accurate and appropriate grammar, usage and punctuation. The course aims to develop the students' ability to communicate clearly to their audience by using accurate grammar, spelling, and other mechanics as well as their ability to use language that is appropriate for their audience and their purpose.

The course aims to develop the students' ability to understand information and to select appropriate information from either reading material or their own knowledge and apply it to a question in a relevant way. The course aims to develop the students' ability to interpret information and offer a supported judgement as a result of these observations.

Các học sinh tham gia khóa học tiếng Anh tổng quát cấp độ AS Level sẽ được phát triển kỹ năng theo các lĩnh vực sau: chọn lọc và tiếp nhận, phân tích và đánh giá thông tin, thể hiện quan điểm, giao tiếp sử dụng tiếng Anh viết. Mục tiêu của khóa học nhằm nâng cao kỹ năng viết tiếng Anh và giao tiếp, truyền đạt ý kiến một cách rõ ràng, vận dụng ngữ pháp linh hoạt và chính xác. Bên cạnh đó, sau khóa học, học sinh có thể nâng cao khả năng giao tiếp hiệu quả thông qua việc sử dụng ngữ pháp, chính tả chính xác và những yếu tố khác cũng như tăng cường khả năng diễn đạt ngôn ngữ linh hoạt để phù hợp với người nghe và cho các mục đích của mình.

Môn học giúp học sinh có thể hiểu và lựa chọn thông tin hợp lý từ các nguồn tài liệu và từ sự hiểu biết của bản thân và áp dụng một cách phù hợp. Môn học cũng giúp học sinh phát triển khả năng phân tích và đánh giá thông tin từ khả năng quan sát.

Physical Education

Giáo dục thể chất

Physical Education is the study of exercise and sport in terms of human anatomy, health and achievement. It is also about improving the individual's personal skills and performance(s) in a range of sports/exercises, which will then allow them to also lead others in developing their personal skills and performance in sports/exercises. At TH School, students will participate in a broad and varied sporting curriculum including basketball, soccer, badminton, volleyball, swimming and athletics.

Môn giáo dục thể chất là môn học về các hình thức vận động và các môn thể thao về giải phẫu con người, sức khỏe và thành tựu. Môn học cải thiện các kỹ năng và phong độ cá nhân bằng vô số các môn thể thao/ hình thức vận động, điều này sẽ giúp mỗi cá nhân hướng dẫn người khác phát triển kỹ năng và phong độ cá nhân của họ thông qua các bài tập. Học sinh của trường TH sẽ tham gia nhiều chương trình thể thao đa dạng như bóng rổ, bóng đá, cầu lông, bóng chuyền, bơi và điền kinh.

PSHE Curriculum

Chương trình giáo dục sức khỏe, xã hội, cá nhân

Personal Social Health Education (PSHE) is the planned provision for students' personal, social and health development. It helps to give them the skills, knowledge, attitudes and values they need to lead confident, healthy and independent lives. It helps them to understand how they are developing personally and socially, and addresses many of the moral, social and cultural issues that are part of growing up. By teaching students to stay safe and healthy, and by building self-esteem, resilience and empathy, an effective PSHE programme can tackle barriers to learning, raise aspirations, and improve the life chances and give students an understanding of the rights and responsibilities and how they can contribute to their community.

At TH School the PSHE curriculum has 3 main outcomes:

- Development of personal and social skills essential to effective communication, working with others, taking responsibility for oneself, learning and achievement, and management of health and wellbeing.
- Acquisition of relevant information on a range of topics including emotional health and wellbeing, relationships, healthy eating and exercise, community service, sexual health, careers and university, citizenship and digital safety.
- Clarification and development of attitudes and values that support self-esteem, are positive to health and wellbeing and encourage active participation.

Chương trình này cung cấp cho học sinh nền tảng kiến thức để phát triển bản thân, mối quan hệ xã hội và cách giữ gìn sức khỏe. Nó trang bị cho trẻ em và thanh niên những kỹ năng, kiến thức, quan niệm và giá trị họ cần để có cuộc sống độc lập, lành mạnh và tự tin. Chương trình giúp các em biết cách phát triển bản thân và mối quan hệ xã hội, đề cập đến những khía cạnh đạo đức, xã hội, văn hóa vốn là một phần trong sự trưởng thành của mỗi cá nhân. Thông qua việc hướng dẫn các em lối sống an toàn và lành mạnh, xây dựng lòng tự tôn, sự linh hoạt và cảm thông, chương trình sẽ giải đáp thắc mắc về học tập, nuôi dưỡng khát vọng, mang đến những cơ hội cho cuộc sống và giúp học sinh hiểu về quyền lợi, trách nhiệm cũng như cách mà các em có thể cống hiến cho xã hội.

Sau chương trình Giáo dục sức khỏe, xã hội, cá nhân tại trường TH, học sinh có thể:

- Phát triển kỹ năng xã hội và bản thân để giao tiếp hiệu quả, tương tác với người khác, tinh thần trách nhiệm cao, học tập và thành tựu, giữ gìn sức khỏe và bảo vệ hạnh phúc.
- Nắm được những thông tin về những vấn đề như: sức khỏe tinh thần và hạnh phúc, các mối quan hệ, chế độ ăn uống và vận động lành mạnh, lao động công ích, sức khỏe sinh sản, sự nghiệp và trường đại học, quyền công dân và an toàn số hóa.
- Hiểu rõ, trân trọng những giá trị của lòng tự tôn, sức khỏe, hạnh phúc và được khuyến khích tính chủ động.

Vietnamese Studies

Các môn Việt Nam học

Vietnamese Literature | Văn học Việt Nam

GRADE 11 | LỚP 11

The Grade 11 Vietnamese Literature Program aims to:

- *Literature subject:* Provide students with knowledge of some important literary works of Middle Ages, to learn about the transitional period of literature and the great works of the literary realism and romantic literature (1930-1945).
- *Vietnamese study:* Practice developing skills in the use of Vietnamese.
- *Writing essays:* Provide an understanding of writing structure, continuing to explore, and learn through practice texts some commonly used arguments, and how to write.

Chương trình Văn học Việt Nam lớp 11 hướng đến những mục tiêu sau:

- *Phân môn Văn học:* cung cấp cho học sinh kiến thức về một số tác phẩm văn học trung đại, sau đó tìm hiểu về giai đoạn giao thời của văn học và những tác phẩm lớn thuộc hai trường phái văn học hiện thực phê phán và văn học lãng mạn (1930-1945).
- *Phân môn Tiếng Việt:* thực hành một số kỹ năng về sử dụng tiếng Việt.
- *Phân môn Làm văn:* Tiếp tục tìm hiểu và thực hành về văn nghị luận, một số thao tác lập luận thường được sử dụng, tìm hiểu cách viết báo..

GRADE 12 | LỚP 12

The Grade 12 Vietnamese Literature Program aims to:

- *Literature subject:* Help students to understand Vietnamese literature after the Revolution of August 1945.
- *Vietnamese study:* Help students to practice their knowledge and skills using the Vietnamese language, using the right language for study, research and daily speech.
- *Writing essays:* Develop students' skillsets in subject writing by practicing essay writing.
- *Method:* Assess through presentations, Mind Maps, and Reporting.

Chương trình Văn học Việt Nam lớp 12 hướng tới mục tiêu:

- *Phân môn Văn học:* giúp học sinh hiểu biết về văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng 8/1945.
- *Phân môn Tiếng Việt:* giúp học sinh luyện tập những kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Việt, sử dụng đúng phong cách ngôn ngữ cho việc học tập, nghiên cứu và lời ăn tiếng nói hàng ngày.
- *Phân môn Làm văn:* luyện tập viết văn nghị luận.
- *Phương pháp:* Thuyết trình, Sơ đồ tư duy, Phóng sự.

Vietnamese History | Lịch sử Việt Nam

GRADE 11 | LỚP 11

Grade 11 Vietnamese History encourages students to gain and develop:

- A deep and comprehensive understanding of the Vietnamese history of French colonial period (1858-1918)
- Develop communication and presentation skills
- Strengthen critical thinking and problem-solving abilities
- Research skills

In the Vietnamese history subject, students are developed in a comprehensive way in both knowledge and skills. In terms of knowledge, not only do they focus on political history, students also learn about Vietnam's economic, cultural and geographic history. Skills in the history of Vietnam are developed by diversifying learning methods, for example: presentation, drama, documentary film, poster, role play, debate, etc. Critical thinking is paid special attention through the study and evaluation of historical resources students can make their own views, learn how to protect their views and persuade others.

GRADE 12 | LỚP 12

Grade 12 Vietnamese History encourages students to gain and develop:

- A deep and comprehensive understanding of Vietnamese history of national liberation and national construction in the period of 1919-2000
- Develop communication and presentation skills
- Strengthen critical thinking and problem-solving abilities
- Research skills

In the Vietnamese history subject, students are developed in a comprehensive way in both knowledge and skills. In terms of knowledge, not only focus on political history, students also learn about Vietnam's economic, cultural and geographic history. Skills in the history of Vietnam are developed by diversifying learning methods, for example: presentation, drama,

Môn lịch sử Việt Nam lớp 11 khuyến khích học sinh đạt được và phát triển:

- Một hiểu biết sâu sắc và toàn diện về lịch sử Việt Nam giai đoạn Pháp thuộc (1858-1918)
- Kỹ năng giao tiếp và trình bày; Tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề.
- Kỹ năng nghiên cứu.

Trong môn lịch sử Việt Nam, học sinh được phát triển một cách toàn diện về kiến thức và kỹ năng. Về kiến thức, không chỉ tập trung vào lịch sử chính trị, học sinh còn học về lịch sử kinh tế, văn hoá và địa lý của Việt Nam. Các kỹ năng của học sinh được phát triển thông qua việc đa dạng hóa các phương pháp học tập, ví dụ như: thuyết trình, đóng kịch, làm phim tài liệu, thiết kế tranh biếm họa, đóng vai, tranh luận... Tư duy phản biện là kỹ năng được quan tâm đặc biệt. Thông qua việc nghiên cứu và đánh giá các nguồn tư liệu lịch sử, học sinh có khả năng đưa ra quan điểm riêng của mình, học cách bảo vệ quan điểm và thuyết phục người khác. Mục tiêu của môn học góp phần hình thành các công dân toàn cầu mang bản sắc Việt Nam.

Môn lịch sử Việt Nam lớp 12 khuyến khích học sinh đạt được và phát triển:

- Một hiểu biết sâu sắc và toàn diện về lịch sử Việt Nam giai phóng dân tộc và xây dựng đất nước 1919-2000
- Kỹ năng giao tiếp và trình bày; Tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề.
- Kỹ năng nghiên cứu

Trong môn lịch sử Việt Nam, học sinh được phát triển một cách toàn diện về kiến thức và kỹ năng. Về kiến thức, không chỉ tập trung vào lịch sử chính trị, học sinh còn học về lịch sử kinh tế, văn hoá và địa lý của Việt Nam. Các kỹ năng của học sinh được phát triển thông qua việc đa dạng hóa các phương pháp học tập, ví dụ như: thuyết trình, đóng kịch, làm phim tài liệu, thiết kế tranh biếm họa, đóng vai, tranh luận... Tư duy phản

documentary film, poster, role play, debate, etc. Critical thinking is paid special attention, through the study and evaluation of historical resources students can make their own views, learn how to protect their views and persuade others.

biện là kỹ năng được quan tâm đặc biệt. Thông qua việc nghiên cứu và đánh giá các nguồn tư liệu lịch sử, học sinh có khả năng đưa ra quan điểm riêng của mình, học cách bảo vệ quan điểm và thuyết phục người khác. Mục tiêu của môn học góp phần hình thành các công dân toàn cầu mang bản sắc Việt Nam.

Civics Education | Giáo dục công dân

In Civic Education Grade 11, students focus on the study of economics. At the beginning of the course, they will study Vietnam's economy in overview. They then will investigate laws related to Commodity-Money-Market as well as rules in good production and circulation. After that, they will know their roles in the general development of Vietnam. In the final part of the curriculum, students will look at the overall development of some countries in the world and study in depth the economy of countries such as the United States, United Kingdom, France and China.

Trong chương trình Giáo dục công dân lớp 11, các em sẽ chủ yếu được học về lĩnh vực kinh tế. Ở phần đầu, các em sẽ được tìm hiểu về tổng quan chung của nền kinh tế Việt Nam. Tiếp sau đó các em sẽ được học về Hàng hóa - Tiền tệ - Thị trường cũng như một số quy luật trong sản xuất và lưu thông hàng hóa. Ở phần tiếp theo, các em sẽ được tìm hiểu về vai trò của bản thân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ở phần cuối, các em sẽ được tìm hiểu một cách tổng quan chung nhất về sự phát triển kinh tế của các nước trên thế giới hiện nay, các em cũng sẽ được đi sâu tìm hiểu về nền kinh tế của một số nước tiêu biểu như Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc.

Geography | Môn Địa lý

GRADE 11 | LỚP 11

After finish Grade 11 Geography course, students can:

- Develop a basic understanding of world economies and societies; as well as issues in Africa, Latin America, South West Asia and Middle Asia.
- Study countries such as the United States, Russia, Japan, China, and Australia, and regions such as Southeast Asia and the European Union.
- Be able to discover and widen knowledge about world economies and societies, regions and countries.
- Develop self-study skills, communication, cooperative and problem-solving skills.
- Make an initial choice of country for study abroad.

Sau khi học xong chương trình Địa lý lớp 11, học sinh sẽ:

- Có những hiểu biết cơ bản về nền kinh tế - xã hội thế giới; về một số vấn đề ở châu Phi, Mỹ Latinh, khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á.
- Được tìm hiểu về một số quốc gia trên thế giới, như Hoa Kỳ, Liên bang Nga, Nhật Bản, Trung Quốc, Ô-xtrây-li-a; khu vực Đông Nam Á, Liên minh châu Âu (Eu).
- Biết tự tìm hiểu thông tin, mở rộng thêm kiến thức về nền kinh tế - xã hội thế giới, các khu vực và các quốc gia trên thế giới.
- Góp phần phát triển năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề...
- Có những hình dung ban đầu về việc lựa chọn quốc gia để du học.





LEARN MORE AT
TÌM HIỂU THÊM TẠI
[THSCHOOL.ORG](https://thschool.org)



CAMBRIDGE
International Examinations